

TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

LÊ THỊ CHIÊN

*ThS., Viện Triết học,
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh*

Ở Việt Nam, theo định hướng phát triển đất nước trong thời kỳ quá độ, Đại hội XI của Đảng đã khẳng định: “Từ nay đến giữa thế kỷ XXI, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”¹. Để đạt được mục tiêu to lớn đó, Đảng ta cũng xác định cần phải “phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất với trình độ khoa học công nghệ ngày càng cao, đồng thời hoàn thiện quan hệ sản xuất trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”². Có thể nói, quan điểm trên chính là sự vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác về phát triển lực lượng sản xuất và là kết quả của quá trình tìm tòi, khảo nghiệm, tổng kết thực tiễn phát triển đất nước của Đảng ta.

1. Quan điểm của triết học mácxít về trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

Khái niệm lực lượng sản xuất lần đầu tiên được C.Mác sử dụng trong tác phẩm “Hệ tư tưởng Đức”. Qua một số tác phẩm khác như “Sự khốn cùng của triết học”, “Lao động làm thuê và tư bản”, “Tiền công, giá cả và lợi nhuận”, đặc biệt là trong bộ “Tư bản”, nội hàm của khái niệm này ngày càng được làm sáng rõ hơn, có nội dung sâu sắc hơn. Lực lượng sản xuất là kết quả năng lực thực tiễn của con người, được kế thừa từ thế hệ này sang thế hệ khác. Chính vì thế,

lực lượng sản xuất là một yếu tố động và là một quá trình luôn được đổi mới và phát triển không ngừng. Xét đến cùng chính sự vận động và phát triển của lực lượng sản xuất quyết định sự phát triển của xã hội loài người. Điều đó đã được C.Mác khẳng định trong tác phẩm “Hệ tư tưởng Đức” như sau: “Lịch sử chẳng qua là sự tiếp nối của những thế hệ riêng rẽ, trong đó mỗi thế hệ khai thác những vật liệu, những tư bản, những lực lượng sản xuất do tất cả các thế hệ trước để lại; do đó, mỗi thế hệ một mặt tiếp tục các hoạt động được truyền lại, trong những hoàn cảnh đã hoàn toàn thay đổi, và một mặt khác lại biến đổi những hoàn cảnh cũ bằng một hoạt động hoàn toàn thay đổi”³.

Khi nói về phạm trù lực lượng sản xuất, chúng ta không thể không nói tới trình độ của lực lượng sản xuất bởi đó chính là thước đo sự phát triển của lực lượng sản xuất. Trình độ của lực lượng sản xuất là một khái niệm dùng để chỉ sự phát triển của công cụ sản xuất cũng như khả năng của con người thông qua việc sử dụng công cụ lao động để thực hiện quá trình cải biến giới tự nhiên nhằm đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của mình.

Trình độ của lực lượng sản xuất được biểu hiện thông qua trình độ của những yếu tố cấu thành nó, qua tính chất của nó, đồng thời biểu hiện qua khả năng ứng dụng khoa học vào sản xuất và qua năng suất lao động. Những biểu hiện đó cụ thể như sau:

Biểu hiện qua trình độ của các yếu tố cấu thành lực lượng sản xuất

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 25.

² Đảng Cộng sản Việt Nam, *Sđd*, tr. 30-31.

³ C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, t.3, Nxb. Chính trị Quốc gia, H.1995, tr.65.

Lực lượng sản xuất bao gồm hai yếu tố cơ bản là người lao động và tư liệu sản xuất nên trình độ của lực lượng sản xuất cũng được biểu hiện ở hai khía cạnh cơ bản:

Thứ nhất, biểu hiện qua năng lực và trình độ của người lao động. C.Mác đã chỉ rõ: “Lực lượng sản xuất là kết quả của nghị lực thực tiễn của con người”⁴. Điều đó có nghĩa là lực lượng sản xuất chính là sản phẩm hoạt động của con người ở mỗi thời kỳ lịch sử. Trong tiến trình phát triển của lịch sử, trình độ, năng lực, kỹ năng của người lao động không ngừng được cải tiến và nâng cao. Vì thế, khả năng của người lao động ở xã hội sau bao giờ cũng cao hơn ở xã hội trước. Điều đó đã được Ph.Ăngghen khẳng định: “Người vô sản thuộc về xã hội có trình độ phát triển cao hơn, và bản thân họ cũng ở trình độ cao hơn người nô lệ”⁵. Do đó, nếu trình độ của người lao động ở một chế độ xã hội kém thì chứng tỏ trình độ của lực lượng sản xuất ở chế độ đó cũng thấp kém. Vì vậy, để nhận thức được đúng đắn trình độ phát triển của lực lượng sản xuất tất yếu phải căn cứ vào trình độ lao động, sản xuất của người lao động.

Thứ hai, biểu hiện qua trình độ của tư liệu sản xuất, đặc biệt là trình độ của công cụ lao động. C.Mác luôn nhấn mạnh đến tính động, thay đổi không ngừng của công cụ lao động và coi đó là thước đo về trình độ phát triển của lực lượng sản xuất: “Các tư liệu lao động (công cụ lao động) không những là cái thước đo sự phát triển sức lao động của con người mà còn là một chỉ tiêu của những quan hệ xã hội trong đó lao động được tiến hành”⁶. Sở dĩ công cụ lao động là biểu hiện rõ nét nhất trình độ của lực lượng sản xuất vì bản thân các công cụ lao động là sự kết tinh những tri thức của con người đạt được trong mỗi thời kỳ nhất định. Ngoài công cụ lao động, C.Mác và Ph.Ăngghen còn nhấn

mạnh đến những điều kiện vật chất cần thiết của quá trình lao động. Sự phát triển của nó cũng là biểu hiện cho trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Đặc biệt, trong chủ nghĩa tư bản, C.Mác đã đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò của các phương tiện giao thông, đường sắt...bởi nó đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển lực lượng sản xuất của chủ nghĩa tư bản. Bên cạnh đó, việc xuất hiện ngày càng nhiều những đối tượng lao động nhân tạo có khả năng đem lại hiệu quả kinh tế cao cũng là một trong những biểu hiện quan trọng của trình độ phát triển lực lượng sản xuất.

Biểu hiện qua tính chất của lực lượng sản xuất

Trình độ của lực lượng sản xuất không chỉ được biểu hiện qua trình độ của những yếu tố cấu thành nó mà còn được biểu hiện qua tính chất của nó. Điều này đã được Ph.Ăngghen nhắc đến trong tác phẩm “Chống Duyrinh”. Khi xem xét sự mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất đã phát triển đến một trình độ mới với sự chật hẹp của quan hệ sản xuất cũ, chậm biến đổi, Ăngghen nhận thấy khi lực lượng sản xuất ở trình độ thủ công thì nó mang tính cá nhân, còn khi đã đạt đến trình độ cơ khí hóa, nó mang tính xã hội. Tính chất cá nhân của lực lượng sản xuất theo Ăngghen tương ứng với những giai đoạn trước của xã hội tư bản với nền sản xuất manh mún, mang tính tự cấp, tự túc. Ăngghen viết: “Trước nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, tức là trong thời trung cổ, khắp nơi đều có nền sản xuất nhỏ mà cơ sở của nó là chế độ sở hữu tư nhân của những người lao động đối với những tư liệu sản xuất của họ; nông nghiệp của những tiểu nông, tự do hay nông nô, thủ công nghiệp ở thành thị. Những tư liệu lao động – đất đai, nông cụ, dụng cụ thủ công – là những tư liệu lao động của cá nhân, do đó nhất định chúng phải nhỏ bé, tí hon, có hạn. Cũng chính vì thế mà thường thường chúng thuộc

⁴ C.Mác và Ph.Ăngghen, *Sdd*, t. 27, tr.675.

⁵ C.Mác và Ph.Ăngghen, *Sdd*, t. 4, tr. 460.

⁶ C.Mác và Ph.Ăngghen, *Sdd*, t. 3, tr. 269 – 270.

về bản thân người sản xuất”⁷. Như vậy, tư liệu sản xuất cá nhân gắn với nền sản xuất nhỏ, ứng với những giai đoạn mà lực lượng sản xuất còn ở trình độ thủ công với quy mô nhỏ và phân tán. Theo Ăngghen, trong xã hội tư bản chủ nghĩa, giai cấp tư sản đã biến những tư liệu sản xuất nhỏ, phân tán thành những tư liệu sản xuất hùng mạnh, biến những tư liệu sản xuất do cá nhân thành những tư liệu sản xuất xã hội: “Thay cho guồng quay sợi, khung cửi dệt tay, búa thợ rèn là máy se sợi, máy dệt, búa chạy bằng hơi nước, thay cho xưởng thợ cá thể là công xưởng đòi hỏi lao động chung của hàng trăm, hàng nghìn công nhân. Cũng như tư liệu sản xuất, bản thân sự sản xuất cũng biến đổi từ chỗ là một loạt động tác phân tán thành một loạt động tác xã hội và sản phẩm cũng từ sản phẩm cá nhân biến thành sản phẩm xã hội”⁸.

Như vậy, tính chất của lực lượng sản xuất phản ánh trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Ở trình độ thủ công, lực lượng sản xuất có tính chất cá nhân; khi lực lượng sản xuất đạt đến trình độ cơ khí hóa, máy móc ra đời, công nghiệp phát triển thì nó mang tính xã hội. Lực lượng sản xuất càng phát triển thì tính chất xã hội hóa ngày càng cao.

Biểu hiện qua việc ứng dụng khoa học vào sản xuất

C.Mác và Ph.Ăngghen đặc biệt đề cao vai trò của khoa học khi các ông phân tích lực lượng sản xuất của xã hội tư bản. Nền đại công nghiệp ra đời là kết quả tất yếu của cuộc cách mạng công nghiệp diễn ra trên thế giới, bắt đầu từ nước Anh. Theo Ăngghen, “sở dĩ có cuộc cách mạng đó là do có sự phát minh ra máy hơi nước, các thứ máy kéo sợi, máy dệt và hàng loạt những thiết bị máy móc khác. Những máy móc đó...làm thay đổi toàn bộ phương thức sản xuất tồn tại từ trước đến nay”⁹. Bởi vậy,

các nhà triết học mácxít luôn khẳng định lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa chỉ có thể phát triển mạnh mẽ là do biết áp dụng những thành tựu của khoa học vào quá trình sản xuất. Sự ứng dụng đó cũng là một trong những biểu hiện quan trọng của sự phát triển trình độ của lực lượng sản xuất.

Biểu hiện qua năng suất lao động

C.Mác, Ph.Ăngghen, đặc biệt là Lênin luôn khẳng định suy cho cùng biểu hiện chung nhất của sự phát triển lực lượng sản xuất là năng suất lao động. Lênin nhấn mạnh: “Xét đến cùng, thì năng suất lao động là cái quan trọng nhất, chủ yếu nhất cho thắng lợi của chế độ xã hội mới”¹⁰. Từ nhận định trên, chúng ta có thể hiểu nếu người lao động có năng lực, có trình độ thấp kém, công cụ lao động thô sơ thì năng suất lao động sẽ thấp và ngược lại. Điều đó chứng tỏ năng suất lao động là biểu hiện tập trung nhất trình độ phát triển của người lao động và công cụ lao động. Do vậy, để nhận thức được đầy đủ trình độ phát triển của lực lượng sản xuất không thể không căn cứ vào năng suất lao động.

Như vậy, trình độ của lực lượng sản xuất chính là thước đo cho sự phát triển của mỗi hình thái kinh tế - xã hội. Trình độ của lực lượng sản xuất là sự hợp thành của nhiều yếu tố như trình độ của những yếu tố cấu thành nó, qua tính chất của lực lượng sản xuất, qua việc ứng dụng khoa học vào sản xuất, qua năng suất lao động... Bởi vậy, muốn nhận thức được trình độ của lực lượng sản xuất ở mỗi chế độ xã hội, cần phải có nhận thức ở nhiều mặt, nhiều góc độ.

2. Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay

Thực trạng của trình độ phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay

Trong những năm qua, bên cạnh những thành tựu to lớn về trình độ phát triển của

⁷ C.Mác và Ph.Ăngghen, *Sđd*, t. 20, tr. 373.

⁸ C.Mác và Ph.Ăngghen, *Sđd*, t. 20, tr. 273.

⁹ C.Mác và Ph.Ăngghen, *Sđd*, t. 4, tr. 475.

¹⁰ V.I.Lênin, *Toàn tập*, t. 39, Nxb. Mátxcơva, 2005, tr. 35.

lực lượng sản xuất như công cụ lao động và phương tiện lao động không ngừng được cải tiến theo hướng hiện đại; lực lượng lao động không ngừng tăng lên về số lượng, chất lượng cũng từng bước được nâng lên cả về mặt thể lực và trí lực; khoa học và công nghệ ngày càng được áp dụng vào quá trình sản xuất, cải thiện chất lượng tay nghề cho người lao động, góp phần từng bước hiện đại hóa lực lượng sản xuất... Tuy nhiên, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất ở Việt Nam vẫn còn tồn tại một số hạn chế, bất cập cần được khắc phục.

Thứ nhất, việc áp dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất và cải tiến công cụ lao động còn nhiều bất cập.

Trong thời gian qua, mặc dù việc áp dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất và cải tiến công cụ lao động ở nước ta đã đạt được nhiều thành tựu, góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội nhưng vẫn còn nhiều hạn chế và bất cập, cả trong lĩnh vực công nghiệp và nông nghiệp.

Trong công nghiệp, phần lớn máy móc trong sản xuất công nghiệp của nước ta là hàng nhập khẩu. Điều đó làm tăng tính phụ thuộc của nước ta vào việc nhập khẩu máy móc, thiết bị dẫn tới sự thiếu ổn định trong việc vận hành, sửa chữa và làm chủ công nghệ. Hơn nữa trong quá trình hội nhập và chuyển giao công nghệ, Việt Nam thường xuyên chịu sức ép từ các nước lớn với mong muốn biến nước ta thành nơi sản xuất hàng hóa theo yêu cầu của họ mà không cần sự sáng tạo. Đó là những mặt hàng may mặc, giày dép, những ngành công nghiệp nhẹ, tận dụng lao động phổ thông, giản đơn. Vì vậy, chất lượng và trình độ của người lao động khó có cơ hội được nâng lên. Năng suất, chất lượng, hiệu quả sẽ không được cải thiện.

Trong nông nghiệp, việc ứng dụng khoa học - kỹ thuật - công nghệ vào sản xuất chưa được tiến hành đồng bộ. Những máy móc thiết bị đưa vào sản xuất vẫn còn lạc hậu

so với thế giới và để lại hậu quả nặng nề là sự ô nhiễm môi trường ở mức độ nghiêm trọng. Tốc độ cơ giới hoá trong sản xuất nông nghiệp còn thấp, chưa đồng bộ và phát triển chưa toàn diện. So với các nước trong khu vực như Thái Lan, Trung Quốc, mức độ trang bị động lực của nông nghiệp Việt Nam còn thấp. Cơ giới hóa nông nghiệp chủ yếu ở khâu làm đất hàng năm, tập trung cấy lúa, tuốt đập, vận chuyển và xay xát lúa, gạo. Các khâu canh tác như gieo cấy, chăm sóc, thu hoạch lúa và các loại cây trồng khác mức độ cơ giới hóa rất thấp, lao động thủ công vẫn là chủ yếu.

Quy mô đồng ruộng ở nước ta nhỏ, phân tán, manh mún. Hiện cả nước có tới hơn 70 triệu thửa ruộng, bình quân mỗi hộ nông dân chỉ có 0,7ha đất canh tác, gồm khoảng 7 đến 8 thửa. Mặc dù đã có chủ trương “đồn điền đổi thửa” song nhìn chung tình trạng manh mún vẫn là phổ biến. Điều này đã hạn chế việc xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong nông nghiệp (hệ thống mương máng, thủy lợi, đường di chuyển cho máy móc, san phẳng đồng ruộng...). Bên cạnh đó, mối liên kết hữu cơ giữa các cơ quan nghiên cứu với các doanh nghiệp chưa cao nên có rất ít sản phẩm hàng hóa có thương hiệu được bắt nguồn từ kết quả nghiên cứu, chuyển giao khoa học trong nông nghiệp. Một số sáng chế, sáng kiến cải tiến máy móc của nông dân được đánh giá cao song chỉ sản xuất được ở quy mô nhỏ lẻ, đơn chiếc, chắp vá, thiếu tiêu chuẩn, hoạt động không ổn định và không thể trở thành sản phẩm hàng hóa¹¹.

Mặt khác, nông thôn nước ta còn quá nghèo, cơ sở vật chất còn quá thiếu thốn, người nông dân chưa đủ vốn tri thức và tiền để tiếp cận và tiếp thu những công nghệ hiện đại. Hơn nữa, những lề thói của nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu đã ăn sâu vào

¹¹ Xem Đỗ Văn Nam, “Cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp và chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch”, theo www.mekongfair.com

tiềm thức, vào gốc rễ của người nông dân khiến họ khó có thể thay đổi trong một sớm, một chiều để triệt để tận dụng những thành tựu khoa học thay cho nền sản xuất mang tính chất kinh nghiệm. Bao trùm lên tất cả là nhận thức của các cấp lãnh đạo, thể chế và những chính sách cụ thể đối với công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, chưa đặt nó tương xứng với vị trí và tiềm năng của nông nghiệp trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ hai, hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho sản xuất còn nhiều yếu kém, chưa đáp ứng được nhu cầu của nền sản xuất hiện đại.

Trong thời gian qua, việc xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất ở nước ta vẫn còn bộc lộ nhiều điểm yếu kém. Trong Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương khóa XI, Đảng ta cũng đã khẳng định: “Hệ thống kết cấu hạ tầng ở nước ta vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém, lạc hậu, thiếu đồng bộ, kém tính kết nối, hiện đang là điểm nghẽn của quá trình phát triển. Hạ tầng đô thị kém chất lượng và quá tải. Hạ tầng xã hội thiếu về số lượng, yếu về chất lượng, hiệu quả sử dụng chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu dịch vụ xã hội cơ bản, đặc biệt là về y tế, giáo dục. Hạ tầng thông tin phát triển chưa đi đôi với quản lý, sử dụng một cách có hiệu quả.”¹²

Nguyên nhân dẫn đến những yếu kém trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất cũng được Đảng ta xác định rõ: “Hạn chế, yếu kém nêu trên có nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Tư duy về phát triển kết cấu hạ tầng chậm đổi mới, chưa phù hợp với cơ chế thị trường; nguồn lực đầu tư vẫn chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước, chưa huy động được nhiều nguồn lực ngoài nhà nước; chưa tạo được sự ủng hộ mạnh mẽ và chia sẻ trách nhiệm của toàn

dân. Công tác quản lý nhà nước về đầu tư còn bất cập; hệ thống pháp luật thiếu đồng bộ, nhiều quy định chưa phù hợp; phân cấp mạnh, nhưng thiếu cơ chế giám sát và quản lý có hiệu quả. Chất lượng quy hoạch còn thấp, thiếu tính đồng bộ, bao quát, kết nối và tầm nhìn dài hạn; quản lý thực hiện quy hoạch còn yếu. Phân bổ nguồn lực dàn trải, chưa có kế hoạch phân bổ vốn trung và dài hạn để tập trung vào các công trình trọng điểm thiết yếu; chi phí đầu tư còn cao, hiệu quả thấp; chưa có cơ chế, chính sách thích hợp để huy động tiềm năng và nguồn lực, nhất là đất đai cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Thiếu chế tài, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm”¹³.

Những yếu kém trên đã trở thành lực cản, thành “điểm nghẽn” đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất nói riêng và nền kinh tế - xã hội ở nước ta nói chung.

Thứ ba, chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, có nhiều hạn chế cả về thể lực và trí lực.

Trong những năm qua, mặc dù Việt Nam được đánh giá là một trong những nước có sự cải thiện đáng kể về thể lực cho người lao động nhưng khi đối chiếu với tiêu chuẩn quốc tế thì thể lực của người Việt còn có rất nhiều hạn chế. Theo Báo cáo của Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em về thể lực và tầm vóc của người Việt Nam, hiện nay chiều cao của nam thanh niên Việt Nam chỉ đạt 163,7cm (thấp hơn 13,1cm so với chuẩn) và chiều cao trung bình của nữ Việt Nam là 153cm (thấp hơn 10,7cm so với chuẩn). Nếu đem chỉ số trên ra so sánh với các nước khu vực châu Á, nam thanh niên Việt Nam kém thanh niên Nhật Bản 8cm, nữ kém 4cm. Còn trong khu vực Đông Nam Á, đặc biệt là quốc gia có điều kiện tự nhiên gần giống nước ta là Thái Lan thì chiều cao của nam thanh niên Việt Nam kém 6cm, nữ kém 2cm¹⁴. Nếu xem xét hai yếu tố này thì

¹² Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương khóa XI, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2012, tr.58-59.

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Sđđ*, tr.59-60.

¹⁴ “Nâng thể lực và tầm vóc của người Việt Nam”,

nguồn nhân lực Việt Nam thuộc hạng thấp bé, nhẹ cân, sức bền bỉ thấp.

Bên cạnh đó, trình độ hiểu biết về dinh dưỡng và sức khỏe của nhân dân còn thấp. Điều đó ảnh hưởng trực tiếp đến việc nâng cao chất lượng sống. Năm 2010 tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân của trẻ là 17,5%, tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em là 29,3%. Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em tuy đã giảm mạnh nhưng vẫn còn ở mức cao so với các nước trong khu vực.¹⁵ Phần lớn người lao động không được tổ chức khám và theo dõi sức khỏe định kỳ hàng năm. Điều kiện lao động trong nhiều cơ sở sản xuất và các ngành sản xuất, trong một số cơ quan hành chính sự nghiệp ở nước ta còn kém, môi trường lao động bị ô nhiễm, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp có chiều hướng gia tăng...Điều này cho thấy chất lượng dân số và người lao động nước ta cả về mặt thể lực, sức khỏe, lẫn điều kiện lao động đều không đảm bảo, rất cần được cải thiện. Cải thiện chiều cao, cân nặng, sức bền của nguồn nhân lực là một yêu cầu cấp bách đối với sự phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay.

Hơn nữa, hiện nay số người trong độ tuổi lao động qua đào tạo ở nước ta còn thấp. Theo số liệu thống kê năm 2010, trong số 20,1 triệu lao động đã qua đào tạo trên tổng số 48,8 triệu lao động đang làm việc, chỉ có 8,4 triệu người có bằng cấp, chứng chỉ do các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước cấp¹⁶. Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới, chất lượng nhân lực Việt Nam chỉ đạt 3,79 điểm trên thang điểm 10, xếp thứ 11 trên 12 nước Châu Á tham gia xếp hạng; chỉ số kinh tế tri thức đạt 3,02 điểm, xếp thứ 102/133 quốc gia được phân loại¹⁷. Thêm nữa, bằng cấp

đào tạo ở Việt Nam chưa được thị trường lao động quốc tế thừa nhận. Số bài báo khoa học được công bố hàng năm chỉ bằng khoảng ¼ của Thái Lan trong khi số tiến sĩ của Việt Nam nhận bằng hàng năm thường nhiều hơn của Thái Lan, có năm cao gần gấp đôi. Nhân lực đào tạo các bậc hàng năm vẫn tăng, nhưng đội ngũ nhân lực chất lượng cao vẫn rất thiếu, chưa đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

Một số giải pháp góp phần nâng cao trình độ phát triển của lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay

Trên cơ sở phân tích những hạn chế về trình độ phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay, người viết xin đưa ra một số giải pháp góp phần nâng cao trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Một là, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức.

Việt Nam vốn là một nước đi lên từ một nền sản xuất nhỏ, lạc hậu, lại “bỏ qua” chế độ tư bản chủ nghĩa, để phát triển kinh tế - xã hội nhất thiết phải nâng cao trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Để phát triển lực lượng sản xuất không còn cách nào khác hơn là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với kinh tế tri thức. Điều đó sẽ góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, từng bước thực hiện mục tiêu đến năm 2020 về cơ bản nước ta sẽ trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Bởi vậy, trong Đại hội XI, Đảng ta cũng xác định cần phải phát triển công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, tiếp tục tạo nền tảng cho một nước công nghiệp và nâng cao khả năng độc lập, tự chủ của nền kinh tế.

Hai là, đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ tạo động lực then chốt cho sự phát triển nhanh và bền vững của lực lượng sản xuất.

Trên thực tế, khoa học và công nghệ đã góp phần quan trọng trong việc phát triển

<http://thuocbietduoc.com.vn>, ngày 30/11/2010.

¹⁵ Thùy Linh, “Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em giảm”, <http://www.t5g.org.vn>, 21/01/2011

¹⁶ Sơn Lâm, “Nguồn nhân lực Việt Nam phát triển mất cân đối”, 5.7.2011.

¹⁷ Sơn Lâm, “Nguồn nhân lực Việt Nam phát triển

mất cân đối”, laodong.com.vn, 05/07/2011

kinh tế - xã hội nói chung và phát triển lực lượng sản xuất nói riêng như trang bị máy móc, thiết bị kỹ thuật, công nghệ hiện đại cho nền sản xuất xã hội. Vốn là một nước có xuất phát điểm là một nền nông nghiệp lạc hậu, muốn phát triển lực lượng sản xuất, nước ta không thể không chú ý đến vai trò to lớn của khoa học và công nghệ.

Để tạo ra sự phát triển nhanh và mạnh của khoa học và công nghệ ở nước ta hiện nay, trước hết cần phải xác lập đúng đắn vai trò, vị trí của khoa học và công nghệ trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Khoa học, công nghệ phải được xem là một bộ phận hữu cơ trong mọi hoạt động kinh tế - xã hội góp phần vào việc phát triển lực lượng sản xuất và thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đúng như Đại hội XI của Đảng đã xác định: “Hướng trọng tâm hoạt động khoa học, công nghệ vào phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển theo chiều sâu góp phần tăng nhanh năng suất, chất lượng, hiệu quả và nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế”¹⁸.

Ba là, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao để tạo bước đột phá trong sự phát triển lực lượng sản xuất.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, người lao động chính là nhân tố quyết định sự phát triển của lực lượng sản xuất. Vì vậy, việc phát triển nguồn nhân lực ở nước ta hiện nay cũng là một động lực cơ bản của sự phát triển lực lượng sản xuất nói riêng và phát triển đời sống kinh tế - xã hội nói chung.

Để nâng cao chất lượng của nguồn nhân lực, điều kiện tiên quyết là đẩy mạnh sự phát triển của giáo dục và đào tạo. Nguồn nhân lực muốn có trình độ, muốn có trí tuệ, có phẩm chất đạo đức, năng lực nghề

nh nghiệp cần phải được giáo dục và đào tạo một cách bài bản, khoa học. Vì thế, mỗi quốc gia, mỗi dân tộc cần phải coi giáo dục là “quốc sách hàng đầu”. Để phát huy vai trò của giáo dục và đào tạo, cần phải đẩy mạnh công tác “đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế; trong đó đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý là khâu then chốt”¹⁹.

Ngoài ra, cần phải phải có chiến lược nâng cao sức khỏe và tầm vóc cho con người Việt Nam; cải thiện chế độ ăn ở, làm việc, chế độ tiền lương, chế độ bảo hiểm lao động, bảo hiểm xã hội cho người lao động... Có như vậy, người lao động Việt Nam mới thực sự trở thành nhân tố quyết định cho sự phát triển của lực lượng sản xuất hiện nay.

Tóm lại, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất chính là thước đo sự phát triển của mỗi hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử loài người. Ở Việt Nam hiện nay, sau gần 30 năm đổi mới, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất đã không ngừng được cải thiện theo hướng ngày càng hiện đại góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta nói chung. Tuy nhiên, so với các nước trong khu vực và trên thế giới, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất ở nước ta vẫn còn nhiều thấp kém, hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của nền sản xuất trong thời kỳ mới. Bởi vậy, để thực hiện mục tiêu: phấn đấu đến năm 2020 nước ta về cơ bản sẽ là một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, rất cần phải có những chiến lược phù hợp để cải thiện trình độ phát triển của lực lượng sản xuất./.

¹⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 132.

¹⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Sđd*, tr. 130-131.